TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NĂNG** **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 03 tháng 10 năm 2019
"*V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuân.
Các hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Bùi Văn Liên.
2/ Ông Nguyễn Văn Sáu.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung - Cán bộ TAND huyện Krông Năng, Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông năng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa - chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 231/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019 về việc: "Tranh chấp hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19/9/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Triệu Thị T, sinh năm: 1992 *(có mặt).*

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đăk Lăk.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Văn V, sinh 1993 *(Có đơn xin xét xử vắng mặt).*

Hộ khẩu thường trú: Số 75 thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đăk Lăk.

Hiện đang bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại Cở sở điều trị cai nghiện ma túy tỉnh Đ.

Địa chỉ: Thôn 4, xã T, huyện K, tỉnh Đăk Lăk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 15/7/2019, bản tự khai, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Triệu Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Văn V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Y, tỉnh N vào ngày 20/3/2016. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng nhạt phai, anh V nghiện ma túy, không có trách nhiệm với vợ con. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 14 tháng 5 năm 2017 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Văn V.

Về con chung: Vợ, chồng chị có 01 con chung là cháu Đỗ Thủy An N, sinh ngày 16/12/2016. Hiện cháu N đang sống cùng với chị T. Nguyện vọng của chị T khi ly hôn được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 13/8/2019 bị đơn anh Đỗ Văn V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Y, tỉnh N vào ngày 20 tháng 3 năm 2016. Cuộc sống của vợ chồng ban đầu sống hạnh phúc, đến tháng 5/2017 thì phát sinh mâu thuẫn do mất quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hòa hợp, anh V nghiện ma túy nên không có thời gian chăm sóc vợ con, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị Triệu Thị T có yêu cầu xin ly hôn anh V thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh V và chị T có 01 con chung là cháu Đỗ Thủy An N, sinh ngày 16/12/2016. Hiện nay cháu N đang do chị T nuôi dưỡng, và chị T có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung thì anh đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua thu thập chứng cứ giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tại buổi làm việc ngày 23 tháng 8 năm 2019, chị T và anh V thống nhất ly hôn và anh V đồng ý để chị T nuôi con chung nhưng anh V không ký biên bản thỏa thuận nên không thể hòa giải được, đồng thời có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tòa án nhân dân huyện Krông Năng đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương nơi anh V, chị T cư trú. Tại biên bản làm việc ngày 27 tháng 8 năm 2019, đại diện chính quyền thôn T, xã E, huyện K cung cấp: Sau khi kết hôn thì anh V và chị T về sinh sống và làm nông tại thôn T, xã

E, huyện K, tỉnh Đ. Thời gian chung sống giữa anh V và chị T thường xảy ra mâu thuẫn, do anh V nghiện ma túy, không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, nên tháng 5/2017 chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đ để sinh sống và ly thân cho đến nay.

Tại phiên tòa chị Triệu Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Krông Năng giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Văn V, xin được nuôi con và không yêu cầu anh V cấp dưỡng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự:

- *Về tố tụng*: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa dân sự sơ thẩm, Hội đồng xét xử làm việc công khai, độc lập và điều khiển phiên tòa theo đúng Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70; 71; 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 55 và Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận tòa bộ yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Triệu Thị T được ly hôn với anh Đỗ Văn V.

- Về con chung: Giao cháu Đỗ Thủy An N, sinh ngày 16/12/2016 cho chị Triệu Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh Đỗ Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T.

- Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

***[1] Về tố tụng*:** Chị Triệu Thị Thủy xin ly hôn với anh Đỗ Văn V có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đ, căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Đỗ Văn V có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân

huyện Krông Năng tiến hành xét xử vắng bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng: Hôn nhân của chị Triệu Thị T và anh Đỗ Văn V có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 20 tháng 3 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh N là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Sau một thời gian chung sống, do tính tình của vợ chồng không hòa hợp, anh V nghiện ma túy, không có trách nhiệm với gia đình, nên vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2017 cho đến nay, việc này đã được anh Đỗ Văn V thừa nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định đây là sự thực.

Trong quá trình thu thập chứng cứ, chị T xác định không còn tình cảm gì với anh V, vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau từ lâu, các bên không quan tâm chăm sóc đến nhau và không thể sống chung với nhau được nữa. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn hai vợ chồng đã quá trầm trọng, hai người không có sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc này được anh Đỗ Văn V thừa nhận và đồng ý ly hôn, nên chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn với anh V là phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đỗ Thủy An N đến tuổi trưởng thành, anh V cũng đồng ý. Xét thấy nguyện vọng của chị T là phù hợp vì cháu Đỗ thủy An N, sinh ngày 16/12/2016 đang còn nhỏ, dưới 36 tháng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu N cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, phù hợp khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Triệu Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Chị Triệu Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Triệu Thị T được ly hôn với anh Đỗ Văn V.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Thủy An N, sinh ngày 16/12/2016 cho chị Triệu Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Đỗ Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Triệu Thị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị Triệu Thị T đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai thu số AA/2017/0014939 ngày 16 tháng 7 năm 2019.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Tuân

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND huyện Krông Năng;*
- *Chi cục THADS huyện Krông Năng;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*